

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HN-PT

Ngày 29/9/2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Lâm Đồng

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Bích Vân

Bà Trương Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Minh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2020/TBTL-TA ngày 21 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp ly hôn.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 82/2020/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 97/2020/QĐ-PT ngày 11 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Cẩm O, sinh năm 1997

Đăng ký thường trú: ấp Trường T, xã Trường T1, huyện K, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông Phạm Hoàng S, sinh năm 1994

Đăng ký thường trú: ấp Trường T, xã Trường T1, huyện K, thành phố Cần Thơ.

- Người kháng cáo: Ông Phạm Hoàng S là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết nguyên đơn trình bày:

Bà và ông S qua mai mối tự nguyện tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2018 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, do quan điểm sống không hòa hợp, không có tiếng nói chung, bà xin đi làm để kiếm thêm thì ông S không đồng ý. Sau khi bà O đi làm cho người dì trở về thì anh S đối xử lạnh nhạt, không quan tâm đến bà. Nay đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn hôn nhân trầm trọng không thể hàn gắn nên bà O đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với anh S. Ông bà không có con chung. Tài sản chung: Khi làm lễ cưới cha mẹ chồng bà O có choc hung vợ chồng bà 10 chỉ vàng 18K và 10 chỉ vàng 24K (vàng nữ trang), số vàng này hiện nay ông S đang giữ, bà yêu cầu ông S có trách nhiệm chia đôi số vàng trên mỗi người 05 chỉ vàng 18K và 05 chỉ vàng 24K vì đây là tài sản ông bà được tặng cho chung. Nợ chung: không có.

Bị đơn ông S trình bày: Ông thống nhất với trình bày của bà O về thời gian tìm hiểu, thời gian cưới và ông bà có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống do bà O tự ý bỏ nhà đi làm thuê trong khi ông không đồng ý nên giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nay bà O yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa tôi và bà O thì ông đồng ý. Về con chung, nợ chung ông bà không có con chung và nợ chung. Tài sản chung: khi rước bà O về nhà làm lễ cưới, cha mẹ ruột của ông S có cho hai vợ chồng 10 chỉ vàng 18K và 10 chỉ vàng 24K (vàng nữ trang), mục đích cha mẹ cho là để làm vốn kinh doanh sau này, số vàng này hiện nay ông đang giữ, ông không đồng ý chia đôi số vàng này, vì ông cho rằng bà O tự ý bỏ nhà đi làm thuê, số vàng ông giữ lại để cưới vợ sau này. Ngoài ra khi cưới cha mẹ bà O cũng có cho một số vàng nhưng ông không yêu cầu.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 82/2020/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 5 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện Thới Lai đã tuyên xử:

Áp dụng khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 207, Điều 219 Bộ luật Dân sự; Điều 14, Điều 16 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị Cẩm O và ông Phạm Hoàng S.

- Về con chung: không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông S có nghĩa vụ trả lại cho chị O 05 chỉ vàng 18K và 05 chỉ vàng 24K (vàng nữ trang).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo của các bên theo luật định.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 20/5/2020 bị đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không đồng ý chia đôi theo yêu cầu của bà O, ông yêu cầu chia đôi số vàng cha mẹ vợ cho gồm 3 chỉ vàng 18K, 5 chỉ vàng 24K cùng 5.000.000 đồng; yêu cầu chia 14 mâm đồ cưới, yêu cầu bà O trả lại tiền lương 4 tháng đi làm của ông là 14.000.000 đồng và yêu cầu nhận giá trị tủ Mika là 1.450.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tại phiên tòa: Hoạt động tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về thời hạn kháng cáo của đương sự là hợp lệ và đúng thời hạn. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Hoàng S và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét và giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của các đương sự thấy rằng ông Phạm Hoàng S và bà Trần Thị Cẩm O do mai mối, tự nguyện tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn nên xem như hôn nhân không hợp pháp, khi đương sự có yêu cầu Tòa án giải quyết thì Tòa án sẽ không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn nên bà O có đơn yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng là có cơ sở để chấp nhận. Tại phiên tòa, ông S đồng ý với yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của bà O và vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo về chia tài sản. Xét thấy, bà O và ông S cùng thống nhất yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng, vì vậy, cấp sơ thẩm không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phạm Hoàng S và bà Trần Thị Cẩm O là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về con chung, nợ chung: Các đương sự đều thống nhất là không có, nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết. Khi các đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết thành vụ án khác.

Về tài sản chung: Bà O yêu cầu chia đôi số vàng cha mẹ ông S cho chung trong ngày cưới gồm 10 chỉ vàng 18K và 10 chỉ vàng 24K, nhưng ông S không đồng ý. Xét thấy, bà O và ông S chung sống với nhau như vợ chồng không có đăng ký kết hôn nên quan hệ về tài sản giữa nam nữ sống chung như vợ chồng được giải quyết theo quy định tại Điều 16 Luật hôn nhân và gia đình “*Quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn được giải quyết theo thỏa thuận giữa các bên; trong trường hợp không có thỏa thuận thì giải quyết theo quy định của Bộ luật dân sự và các quy định khác*

của pháp luật có liên quan”. Tại phiên tòa, ông S và bà O đều thừa nhận đây là tài sản được cho chung vì vậy, bà O yêu cầu chia đôi 10 chỉ vàng 18K và 10 chỉ vàng 24K (vàng nữ trang) là có cơ sở chấp nhận. Do ông Phạm Hoàng S hiện đang giữ số vàng này, nên ông S có nghĩa vụ trả lại cho bà O 05 chỉ vàng 18K và 05 chỉ vàng 24K (vàng nữ trang). Đối với yêu cầu kháng cáo này của ông S là không có căn cứ để chấp nhận nên giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là phù hợp.

Đối với yêu cầu kháng cáo của ông S về việc chia đôi số vàng cha mẹ vợ cho gồm 03 chỉ vàng 18K, 05 chỉ vàng 24K cùng với số tiền 5.000.000 đồng; yêu cầu chia 14 mâm đồ cưới, yêu cầu trả lại tiền lương 4 tháng đi làm của ông là 14.000.000 đồng và yêu cầu nhận giá trị tử Mika là 1.450.000 đồng. Xét thấy, trong quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm, ông S không có đơn yêu cầu phản tố đối với các yêu cầu này và Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa xem xét, giải quyết đối với các yêu cầu này của ông, nên Tòa án cấp phúc thẩm không đưa ra xem xét, giải quyết. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi của mình, ông S có quyền nộp đơn khởi kiện bằng một vụ án khác về việc yêu cầu chia tài sản chung.

[3] Theo quan điểm của kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí, lệ phí: Bà O và ông S phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành, Tòa án không xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phạm Hoàng S.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị Cẩm O và ông Phạm Hoàng S.

Về con chung, nợ chung: không có, không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Ông S có nghĩa vụ trả lại cho bà O 05 chỉ vàng 18K và 05 chỉ vàng 24K (vàng nữ trang).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành.

Về án phí: Bà O và ông S phải chịu án phí chia tài sản mỗi người là 2.040.000 đồng. Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Phạm Hoàng S không

được chấp nhận nên ông phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng. Được khấu trừ tiền tạm ứng án phí của ông S theo biên lai số 015599 ngày 20 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục thi hành án huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ sang án phí. Ông S đã nộp xong án phí hôn nhân phúc thẩm. Bà O và ông S mỗi người phải nộp thêm 2.040.000 đồng án phí chia tài sản.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- Tòa án H. Thới Lai;
- THA.DS-H. Thới Lai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Lâm Đồng